

THÔNG BÁO BỔ SUNG KIẾN THỨC TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Trường Đại học Kinh tế - Luật thông báo kế hoạch bổ sung kiến thức cho kỳ tuyển sinh sau đại học năm 2017 như sau:

1. Các ngành và chuyên ngành tuyển sinh

1	Ngành Kinh tế học	Thạc sĩ	Mã số: 60310101
2	Ngành Kinh tế chính trị	Thạc sĩ	Mã số: 60310102
3	Ngành Tài chính - Ngân hàng	Thạc sĩ	Mã số: 60340201
4	Ngành Kinh tế quốc tế	Thạc sĩ	Mã số: 60310106
5	Ngành Luật Kinh tế	Thạc sĩ	Mã số: 60380107
6	Ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	Thạc sĩ	Mã số: 60380103
7	Ngành Quản trị kinh doanh	Thạc sĩ	Mã số: 60340102
8	Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công	Thạc sĩ	Mã số: 6031010101

2. Hình thức đào tạo

Đào tạo thạc sĩ thuộc loại hình đào tạo chính quy và được thực hiện theo hình thức bán thời gian.

3. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo thạc sĩ theo hình thức bán thời gian từ một năm rưỡi đến hai năm.

4. Các môn thi tuyển cao học

<u>Ngành:</u> Kinh tế học, Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Quản trị kinh doanh. <u>Chuyên ngành:</u> Kinh tế và Quản lý công – Môn cơ bản : Toán kinh tế – Môn cơ sở : Kinh tế học (Kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô)	<u>Ngành</u> Luật Kinh tế, Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự – Môn cơ bản : Triết học – Môn cơ sở : Lý luận nhà nước và pháp luật
<u>Ngành :</u> Kinh tế chính trị – Môn cơ bản: Triết học – Môn cơ sở : Lịch sử các học thuyết kinh tế	

Điều kiện dự thi trình độ thạc sĩ

- Ngành Luật Kinh tế, ngành Luật Dân sự & Tổ tụng dân sự chỉ tuyển cử nhân luật.
- Người dự thi có bằng tốt nghiệp đại học chính quy đúng ngành hoặc ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức.
- Người dự thi có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành dự thi (xem mục 5) phải học và thi đạt tối thiểu là 5.00 điểm các môn bổ sung kiến thức được nêu ở mục 6.

5. Các ngành đào tạo bậc đại học phù hợp và gần với chuyên ngành dự thi:

5.1. Ngành Tài chính - Ngân hàng

Các ngành phù hợp

Tài chính-Ngân hàng, Ngân hàng, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính nhà nước, Tài chính-Tín dụng.

Các ngành gần

Tất cả các ngành khác thuộc khối ngành kinh tế mà bằng tốt nghiệp là Cử nhân kinh tế.

5.2. Ngành Kinh tế học

Các ngành phù hợp

Kinh tế học, Kinh tế đối ngoại, Kinh tế phát triển, Kinh tế ngoại thương, Kinh tế kế hoạch và đầu tư, Kinh tế và tổ chức nguồn nhân lực, Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn, Kinh tế nông lâm, Kinh tế công nghiệp, Kinh tế công cộng.

Các ngành gần

Tất cả các ngành khác thuộc khối ngành kinh tế mà bằng tốt nghiệp là Cử nhân kinh tế.

5.3. Ngành Kinh tế chính trị

Các ngành phù hợp

Giáo dục chính trị, Kinh tế chính trị, Kinh tế đối ngoại, Kinh tế phát triển, Kinh tế và Quản lý công.

Các ngành gần

- Tất cả các ngành khác thuộc khối ngành kinh tế mà bằng tốt nghiệp là Cử nhân kinh tế.
- Chính trị học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng, Luật Kinh tế.

5.4. Ngành Kinh tế quốc tế

Các ngành phù hợp

Kinh tế quốc tế, Kinh tế đối ngoại, Quan hệ kinh tế quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Kinh tế ngoại thương, Ngoại thương, Thương mại quốc tế.

Các ngành gần

Tất cả các chuyên ngành thuộc khối ngành kinh tế, ngành kinh doanh và một số ngành khoa học xã hội: Tài chính – Ngân hàng, Kế toán – Kiểm toán, Quản trị kinh doanh, Kinh tế du lịch, Thương mại, Quan hệ quốc tế

5.5. Ngành Quản trị kinh doanh

Các ngành phù hợp

Quản trị kinh doanh

Các ngành gần

- Tất cả các ngành khác thuộc khối ngành kinh tế mà bằng tốt nghiệp là Cử nhân kinh tế.
- Tất cả các ngành khác thuộc khối ngành khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật.
- Tất cả các ngành khác thuộc khối ngành khoa học xã hội và nhân văn.

5.6. Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công

Các ngành, chuyên ngành phù hợp

Kinh tế và Quản lý công, Kinh tế học, Kinh tế chính trị, Kinh tế phát triển, Chính sách công, Quản lý công, Kinh tế tài nguyên môi trường, Kinh tế đô thị, Kinh tế năng lượng, Kinh tế y tế, Kinh tế giáo dục, Kinh tế giao thông vận tải, Kinh tế học truyền thông.

Các ngành, chuyên ngành gần

- Quản trị kinh doanh, Kế toán kiểm toán, Tài chính – Ngân hàng.
- Tất cả các ngành, chuyên ngành khác thuộc khối ngành Khoa học tự nhiên và Khoa học kỹ thuật.
- Tất cả các ngành khác thuộc khối ngành Khoa học xã hội và nhân văn.

IA TH
TRU
ĐẠI
NH
59

6. Các môn học bổ sung kiến thức (1 tín chỉ = 15 tiết)

6.1. Đối với thí sinh đăng ký dự thi ngành Tài chính - Ngân hàng:

TT	Môn học bổ sung	Môn đã học được miễn bổ sung	Số tín chỉ
1	Tiền tệ - Ngân hàng	Tiền tệ-ngân hàng Lý thuyết tiền tệ-ngân hàng	03
2	Ngân hàng thương mại	Ngân hàng thương mại Nghiệp vụ ngân hàng Nghiệp vụ ngân hàng thương mại Tín dụng – ngân hàng	03
3	Quản trị tài chính	Quản trị tài chính (Tài chính doanh nghiệp)	04

6.2. Đối với thí sinh đăng ký dự thi ngành Kinh tế học

TT	Môn học bổ sung	Môn đã học được miễn bổ sung	Số tín chỉ
1	Kinh tế học quốc tế	Kinh tế học quốc tế	02
2	Kinh tế vi mô	Kinh tế vi mô, các nguyên lý kinh tế 1	02
3	Kinh tế vĩ mô	Kinh tế vĩ mô, các nguyên lý kinh tế 2	02

6.3. Đối với thí sinh đăng ký dự thi ngành Kinh tế chính trị

TT	Môn học bổ sung	Môn đã học được miễn bổ sung	Số tín chỉ
1	Kinh tế học phát triển	Kinh tế học phát triển	02
2	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Lịch sử các học thuyết kinh tế	02
3	Kinh tế chính trị	Những nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin	02

6.4. Đối với thí sinh đăng ký dự thi ngành Kinh tế quốc tế

TT	Môn học bổ sung	Môn đã học được miễn bổ sung	Số tín chỉ
1	Tài chính quốc tế	Tài chính quốc tế	02
2	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	02
3	Kinh tế đối ngoại	Kinh tế đối ngoại	02

6.5. Đối với thí sinh đăng ký dự thi ngành Quản trị kinh doanh

TT	Môn học bổ sung	Môn đã học được miễn bổ sung	Số tín chỉ
I	Khối ngành kinh tế		
1	Quản trị chiến lược	Quản trị chiến lược	02
2	Quản trị sản xuất	Quản trị sản xuất, Quản trị vận hành	02
3	Quản trị nguồn nhân lực	Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị nhân sự, Quản trị nhân viên	02
4	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Quản trị tài chính doanh nghiệp	02
II	Khối ngành khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật		
1	Kinh tế học vi mô	Kinh tế học vi mô, Các nguyên lý kinh tế 1	02
2	Kinh tế học vĩ mô	Kinh tế học vĩ mô, Các nguyên lý kinh tế 2	02
3	Quản trị học căn bản	Quản trị học căn bản, Nhập môn quản trị học	02

4	Marketing căn bản	Marketing căn bản, Quản trị Marketing	02
5	Quản trị chiến lược	Quản trị chiến lược	02
6	Quản trị sản xuất	Quản trị sản xuất, Quản trị vận hành	02
7	Quản trị nguồn nhân lực	Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị nhân sự, Quản trị nhân viên	02
8	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Quản trị tài chính doanh nghiệp	02
III Khối ngành khoa học xã hội và nhân văn			
1	Kinh tế học vi mô	Kinh tế học vi mô, Các nguyên lý kinh tế 1	02
2	Kinh tế học vĩ mô	Kinh tế học vĩ mô, Các nguyên lý kinh tế 2	02
3	Kinh tế lượng	Kinh tế lượng	02
4	Lý thuyết xác suất thống kê	Lý thuyết xác suất thống kê	02
5	Quản trị học căn bản	Quản trị học căn bản, Nhập môn quản trị học	02
6	Marketing căn bản	Marketing căn bản, Quản trị Marketing	02
7	Quản trị chiến lược	Quản trị chiến lược	02
8	Quản trị sản xuất	Quản trị sản xuất, Quản trị vận hành	02
9	Quản trị nguồn nhân lực	Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị nhân sự, Quản trị nhân viên	02
10	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Quản trị tài chính doanh nghiệp	02

6.6. Đối với thí sinh đăng ký dự thi chuyên ngành Kinh tế và quản lý công

TT	Môn học bổ sung	Môn đã học được miễn bổ sung	Số tín chỉ
I Khối ngành kinh tế			
1	Kinh tế công	Kinh tế công	02
2	Quản lý công	Quản lý công	02
3	Chính sách công	Chính sách công	02
II Khối ngành khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật			
1	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Lịch sử các học thuyết kinh tế	02
2	Kinh tế học vi mô	Kinh tế học vi mô	02
3	Kinh tế học vĩ mô	Kinh tế học vĩ mô	02
4	Kinh tế phát triển	Kinh tế phát triển	02
5	Kinh tế công	Kinh tế công	02
6	Chính sách công	Chính sách công	02
7	Quản lý công	Quản lý công	02
III Khối ngành khoa học xã hội và nhân văn			

1	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Lịch sử các học thuyết kinh tế	02
2	Kinh tế học vi mô	Kinh tế học vi mô	02
3	Kinh tế học vĩ mô	Kinh tế học vĩ mô	02
4	Kinh tế phát triển	Kinh tế phát triển	02
5	Kinh tế công	Kinh tế công	02
6	Lý thuyết xác suất thống kê	Lý thuyết xác suất thống kê	02
7	Chính sách công	Chính sách công	02
8	Quản lý công	Quản lý công	02

Lưu ý: Các trường hợp đã đạt điểm bổ sung kiến thức (đạt từ 5.0 điểm/môn trở lên) trong kỳ tuyển sinh sau đại học năm 2014, 2015, 2016 thì được bảo lưu điểm.

7. Thời gian, địa điểm nhận đăng ký:

- + Thời gian bắt đầu đăng ký trên trang web: **23/8/2016**
- + Đường dẫn đăng ký: **<https://goo.gl/forms/iGGqoYCgpcRlytGR2>**
- + Thời gian bắt đầu xem thông báo mức phí và hình thức đóng tại Văn phòng trường Đại học Kinh tế - Luật (Trường Cán bộ Quản lý Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn II, số 45 Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, Quận 1): **29/8/2016**

Thời gian dự kiến bắt đầu học chuyển đổi kiến thức: 12/9/2016

Thời gian thi tuyển sinh sau đại học dự kiến: 13, 14 tháng 5 năm 2017

LỊCH HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC 2017

1. Ngành Tài chính – Ngân hàng

TT	Môn học bổ sung	Tín chỉ	Thời gian	Ngày	Ngày thi lần 1	Ghi chú
1	Tiền tệ ngân hàng	9	12/9/2016 – 30/9/2016	Tối 2, 4, 6	23/10/2016	
2	Quản trị tài chính	15	13/9/2016 – 15/10/2016	Tối 3, 5, 7	06/11/2016	
3	Ngân hàng thương mại	9	10/10/2016 – 28/10/2016	Tối 2, 4, 6	20/11/2016	

2. Ngành Quản trị kinh doanh

TT	Môn học bổ sung	Số buổi	Thời gian	Ngày	Ngày thi lần 1	Ghi chú
1	Quản trị tài chính doanh nghiệp	6	12/9/2016 – 23/9/2016	Tối 2, 4, 6	23/10/2016	
2	Quản trị sản xuất	6	13/9/2016 – 24/9/2016	Tối 3, 5, 7	06/11/2016	
3	Marketing căn bản	6	03/10/2016 – 14/10/2016	Tối 2, 4, 6	20/11/2016	
4	Quản trị chiến lược	6	04/10/2016 – 15/10/2016	Tối 3, 5, 7	27/11/2016	
5	Quản trị nguồn nhân lực	6	02/11/2016 – 14/11/2016	Tối 2, 4, 6	11/12/2016	
6	Quản trị học căn bản	6	01/11/2016 – 12/11/2016	Tối 3, 5, 7	11/12/2016	
7	Kinh tế lượng	6	18/11/2016 – 30/11/2016	Tối 2, 4, 6	30/11/2016	
8	Kinh tế học vi mô	6	05/12/2016 – 16/12/2016	Tối 2, 4, 6	15/01/2017	
9	Kinh tế học vĩ mô	6	06/12/2016 – 17/12/2016	Tối 3, 5, 7	15/01/2017	
10	Lý thuyết xác suất thống kê	6	21/02/2017 – 04/3/2017	Tối 3, 5, 7	12/3/2017	

3. Ngành Kinh tế học

TT	Môn học bổ sung	Số buổi	Thời gian	Ngày	Ngày thi lần 1	
1	Kinh tế học quốc tế	6	18/10/2016 – 29/10/2016	Tối 3, 5, 7	29/10/2016	
2	Kinh tế học vi mô	6	05/12/2016 – 16/12/2016	Tối 2, 4, 6	15/01/2017	

3	Kinh tế học vĩ mô	6	06/12/2016 – 17/12/2016	Tối 3, 5, 7	15/01/2017	
---	-------------------	---	----------------------------	----------------	------------	--

4. Ngành Kinh tế chính trị

TT	Môn học bổ sung	Số buổi	Thời gian	Ngày	Ngày thi lần 1	
1	Kinh tế học phát triển	6	04/10/2016 – 15/10/2016	Tối 3, 5, 7	15/10/2016	
2	Lịch sử các học thuyết kinh tế	6	08/4/2017 – 20/4/2017	Tối 3, 5, 7	20/4/2017	

5. Ngành Kinh tế quốc tế

TT	Môn học bổ sung	Số buổi	Thời gian	Ngày	Ngày thi lần 1	
1	Kinh tế học quốc tế	6	18/10/2016 – 29/10/2016	Tối 3, 5, 7	29/10/2016	
2	Kinh tế đối ngoại	6	17/10/2016 – 28/10/2016	Tối 2, 4, 6	28/10/2016	
3	Tài chính quốc tế	6	05/11/2016 – 17/11/2016	Tối 3, 5, 7	25/12/2016	

6. Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công

TT	Môn học bổ sung	Số buổi	Thời gian	Ngày	Ngày thi lần 1	Giảng viên
1	Kinh tế học phát triển	6	04/10/2016 – 15/10/2016	Tối 3, 5, 7	15/10/2016	
2	Chính sách công	9	03/10/2016 – 21/10/2016	Tối 2, 4, 6	27/11/2016	
3	Kinh tế công	9	18/10/2016 – 05/11/2016	Tối 3, 5, 7	25/12/2016	
4	Kinh tế lượng	6	18/11/2016 – 30/11/2016	Tối 2, 4, 6	30/11/2016	
5	Quản lý công	9	10/11/2016 – 29/11/2016	Tối 3, 5, 7	25/12/2016	
6	Kinh tế học vi mô	6	05/12/2016 – 16/12/2016	Tối 2, 4, 6	15/01/2017	
7	Kinh tế học vĩ mô	6	06/12/2016 – 17/12/2016	Tối 3, 5, 7	15/01/2017	
8	Lý thuyết xác suất thống kê	6	21/02/2017 – 04/3/2017	Tối 3, 5, 7	12/3/2017	
9	Lịch sử các học thuyết kinh tế	6	08/4/2017 – 20/4/2017	Tối 3, 5, 7	20/4/2017	

Thời gian học: Sáng từ 08g00 đến 11g30; Chiều từ 13g30 đến 16g30; Tối từ 18g00 đến 20g30

Địa điểm học: Trường Cán bộ Quản lý Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn II, số 45 Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, Quận 1.

Thời gian làm việc của Văn phòng Trường Đại học Kinh tế - Luật:

15g00 đến 20g30 từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần; thứ Bảy từ 08g00 đến 11g30

TL.HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG SDH&QLKH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



ThS Nguyễn Thị Lại

